

Bản án số: **303/2019/HS-PT**

Ngày: 18/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành

Ông Phan Huy Cương

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Ngọc Hải - *Thư ký Tòa án;*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - *Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm đã thụ lý số 138/2019/TLPT-HS ngày 29/01/2019 đối với bị cáo: NTTH do có kháng cáo của bị cáo NTTH đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2018/HS-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội:

*** Bị cáo có kháng cáo:** **NTTH**, sinh năm 1989, tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T xã N, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức T (*đã chết*); con bà: Vũ Thị T; CH là Nguyễn Bá Đ và có 02 (*sinh năm 2014 và 2018*); Danh chỉ bản số: 212 lập ngày 04/7//2018 tại Công an huyện Thạch Thất; Tiền án: không; Tiền sự: không; Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

*** Bị hại:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NTTH là nhân viên hợp đồng tạp vụ ngắn hạn tại Văn phòng UBND huyện Thạch Thất từ tháng 01/2017 đến tháng 11/2017. Bà Nguyễn Thị H có con trai

là Nguyễn Văn B, đang là giáo viên tại Trường tiểu học C, tỉnh Điện Biên. Do có nhu cầu xin chuyển trường dạy học cho anh B từ tỉnh Điện Biên về huyện Thạch Thất, TP Hà Nội cho con trai nên bà H đã gặp T, đặt vấn đề nhờ T xin chuyển trường giúp cho anh B. T tự giới thiệu với bà H: TH làm việc tại UBND huyện Thạch Thất và có khả năng xin chuyển trường cho anh B, nếu đồng ý thì đưa cho TH 160.000.000 đồng, đến ngày 30/4/2017 sẽ có Quyết định chuyển trường.

Do tin rằng TH có khả năng xin chuyển trường cho anh B nên ngày 12/3/2017, bà H đã đến nhà TH và đưa cho TH số tiền 160.000.000 đồng kèm theo một bộ hồ sơ xin chuyển trường của anh B. Sau khi nhận số tiền và hồ sơ, TH đã mang bộ hồ sơ xin chuyển trường của anh B và số tiền 100.000.000đ đến gặp chị Tạ Thu TH (*sinh năm: 1986, trú tại: thôn Phú Đa, xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội*) đang làm việc tại Văn phòng Huyện ủy Thạch Thất để nhờ chị Tạ Thu TH xin chuyển trường giúp cho anh B. Chị Tạ Thu TH đã nhận hồ sơ và số tiền 100.000.000 đồng nhưng không hứa hẹn gì mà chỉ nói với NTTTH là để hỏi giúp, nếu hỏi được sẽ báo lại cho NTTTH sau. Khoảng một tuần sau, chị Tạ Thu TH nói với Nguyễn Thu TH là không hỏi được nên đã trả lại hồ sơ và 100.000.000 đồng cho NTTTH. Lúc này, NTTTH tiếp tục nói với bà H là việc xin chuyển trường phải mất thêm 100.000.000 đồng nữa thì tiến độ công việc sẽ nhanh hơn. Ngày 19/3/2017, bà H đến nhà TH và đưa thêm cho TH số tiền 100.000.000 đồng. TH hẹn một tuần sau sẽ có Quyết định chuyển trường. Khi đến hẹn, bà H có hỏi TH về vấn đề xin chuyển trường của anh B thì TH nói là việc xin chuyển trường đang gặp trục trặc nên phải chờ thêm thời gian nữa. Bà H chờ mãi không có kết quả nên đã gặp TH yêu cầu cho lấy lại tiền nhưng TH lấy nhiều lý do khác nhau để trì hoãn việc trả lại tiền và trốn tránh không gặp bà H. Ngày 30/01/2018, bà H làm đơn tố cáo hành vi của NTTTH với Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, NTTTH khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên và khai toàn bộ số tiền nhận của bà H, TH đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết (*như trả nợ, chi tiêu cá nhân...*).

Quá trình giao dịch với bà H, bị cáo TH có viết các giấy:

- + 01 giấy vay tiền có nội dung: Ngày 12/7/2017, TH vay của bà H 260.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/9/2017 sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà H.

- + 01 giấy khất nợ có nội dung: Ngày 01/11/2017, TH đến nhà bà H xin khất nợ số tiền 260.000.000 đồng là tiền xin chuyển trường cho con trai bà H, hẹn đến ngày 11/11/2017 sẽ trả số tiền trên cho bà H.

- + 01 giấy cam kết có nội dung: TH hẹn đến ngày 17/12/2017 sẽ trả bà H 160.000.000 đồng và ngày 24/12/2017 sẽ trả nốt 100.000.000 đồng.

- + 01 giấy nhận tiền có nội dung: TH nhận số tiền 260.000.000 đồng để chạy xin việc cho con trai bà H. Do gặp trục trặc nên hẹn đến ngày 20/01/2018 sẽ trả cho bà H 100.000.000 đồng và ngày 30/3/2018 sẽ trả 160.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 1148/C54-P5 ngày 28/3/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *Chữ viết, chữ ký trên các giấy biên*

nhận ký hiệu A1, A2, A3, A4 (trừ chữ ký, chữ viết ở mục người cho vay) do NTTH viết và ký ra.

Đối với chị Tạ Thu TH: Khi nhận tiền và hồ sơ xin việc từ bị cáo NTTH thì chị Tạ Thu TH không hứa hẹn gì với NTTH mà chỉ nói là để hỏi giúp, sau đó 01 tuần chị Tạ Thu TH đã trả lại tiền và hồ sơ xin việc cho NTTH. Hành vi của chị Tạ Thu TH không có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm của chị Tạ Thu TH.

Về dân sự: Sau khi bị khởi tố bị can, NTTH đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 260.000.000 đồng. Ngày 10/11/2018, bà H đã nhận lại số tiền trên và không có đề nghị gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2018/HSST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất đã quyết định: Tuyên bố bị cáo NTTH phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo NTTH 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/01/2019, bị cáo NTTH có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị Bản án.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo NTTH vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; công bố đơn kháng cáo của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Bị cáo là người có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức, nội dung nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại. Do đó có thể xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm; đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định,

bảo đảm về chủ thể kháng cáo theo Điều 331, 331 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị cáo nhưng bị cáo vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiếp tục triệu tập bị cáo đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng bị cáo vẫn vắng mặt không có lý do. Trong vụ án này chỉ có kháng cáo của bị cáo về việc đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, không có kháng cáo hoặc kháng nghị về việc đề nghị tăng mức hình phạt hoặc làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, việc vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, những người làm chứng; phù hợp kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong tháng 3 năm 2017, mặc dù không có khả năng trong việc xin chuyển công tác cho anh Nguyễn Văn B, nhưng bị cáo NTTH vẫn hứa hẹn với bà Nguyễn Thị H (*là mẹ anh B*) là TH có khả năng xin chuyển công tác cho anh B từ Trường tiểu học Chà Cang, huyện Nậm Phồ, tỉnh Điện Biên về một trường học khác tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội để bà H tin tưởng đưa tiền cho bị cáo. Ngày 12/3/2017, bị cáo đã nhận của bà H 160.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ. Sau khi nhận số tiền và hồ sơ trên, bị cáo có nhờ chị Tạ Thị TH hỏi việc chuyển trường cho anh B, nhưng chị TH cho biết không hỏi được nên đã trả lại tiền và hồ sơ cho bị cáo. Bị cáo biết rõ mình không thể xin chuyển công tác được cho anh B, nhưng vẫn tiếp tục hứa hẹn với bà H là sẽ xin chuyển công tác được cho anh B và yêu cầu bà H đưa thêm 100.000.000 đồng. Ngày 19/3/2017, bà H đã đưa thêm cho bị cáo 100.000.000 đồng (*tổng cộng bị cáo đã nhận của bà H 260.000.000 đồng*), số tiền trên bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không trả lại cho bà H. Sau khi bị Cơ quan điều tra khởi tố, bị cáo mới nộp số tiền đã chiếm đoạt để trả lại cho bị hại.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây lo lắng trong nhân dân. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết mình không có khả năng xin chuyển công tác cho anh Nguyễn Văn B nhưng vẫn hứa hẹn xin chuyển công tác cho anh B, nhận hồ sơ và tiền của bà H. Sau khi nhận tiền bị cáo đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân, không xin chuyển công tác cho anh B, không trả lại tiền cho bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] *Xét kháng cáo của bị cáo:* Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt để trả cho bị hại để áp dụng các điểm b và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù.

Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử có xem xét: Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị đưa ra truy tố, xét xử; tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, tại giai đoạn điều tra bị cáo đang mang thai, đến nay bị cáo đã sinh con và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định của pháp luật, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên, nên có thể áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Mức hình phạt Bản án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan H của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo tích cực cải tạo, trở thành người công dân tốt cho xã hội.

[2.3] *Về các nội dung khác:*

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo NTTH về việc xin được giảm nhẹ hình phạt; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2018/HSST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo NTTH, cụ thể như sau:

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- **Xử phạt bị cáo: NTTH 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất
- Công an huyện Thạch Thất
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

VŨ QUANG HUY

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

